



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM lê tân thanh
Last Middle First

Current Address: 322/19 Nguyễn Đình Chiểu P-7 Quận 3 Hồ Chí Minh City

Date of Birth: 12-5-1947 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) First Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 26-6-1975 To 24-11-1980
Years: 5 Months: 5 Days: 2

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : le tan Vandy
(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Về dân sự số: 56

Án sơ thẩm số: 1

Ngày: 15/1/88

TRÍCH SAO ÁN DÂN SỰ

Theo án dân sự Sơ thẩm số 1 ngày 15 tháng 1 năm 19 88
của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử về việc kiện

Xin ly hôn

giữa:

Nguyễn Văn: Anh Sĩ năm 1948

con. Quê: xã Long Bình và Long Bình Tân - Bình Nh.

Biệt: chị Võ Thị Yon, sinh 1940

con. Quê: (mất mạng từ năm 1981 đến nay) chị Yon sống một

Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã xử:

Anh Sĩ năm 1948. Trước ly hôn là chị Võ
Thị Yon (cũng mất mạng từ năm 1981 đến nay)

Vì con chung 3 cháu: vào năm 1981 chị
Yon đi có đem đi 2 cháu: Lê Hoàng Cường
Sinh 1972, Lê Quốc Hưng 1974 và một cháu
cho anh Sĩ năm 1948 về nhà nuôi dưỡng đến giờ
giống trai, cháu tên là Lê Sĩ năm 1981.

Còn con chung anh Sĩ năm 1948 cũng có 1
cháu con này chị Yon nuôi vì chị Yon
gặp 18 một lu om làm bị bệnh. om bị ốm
chết một năm. Chị Yon được quyền nuôi con
từ ngày om mất đến nay giữ con từ 1981 đến nay

phần 1 phần 2. Tòa án nhân dân đã báo cho các đương sự có mặt biết có quyền chống án
trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án này đã do Nguyễn Văn Sĩ Biệt: chị Yon

Biệt: chị Yon và Chị Yon Chị Yon Hội thẩm nhân dân ký.

TRÍCH SAO Y BẢN CHÍNH

Cấp cho: anh Sĩ

Biên Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 19 88.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA



NGUYỄN-KHÁO-TUNG

VIỆT-NAM .CỘNG HÒA

TỈNH BIÊN HÒA

Quận ĐỨC-TU

Xã LONG-BÌNH-TÂN

Số hiệu : 08

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 01 tháng 10 năm 1973.

CHUNG-THU THUA NHAN VA
CHANG THUC HOA CON NGAI HON
THEO HON THU CUA CHA.ME.

1/-LÊ-THÀNH-HẢI, sinh-ngày
13.8.1971 tại Lai-Thiền
số hiệu : 339.

2/-LÊ-HOÀNG-TRANG, sinh-ngày
13.9.1972 tại Long-phước-
thôn số-hiệu : 25.

lễ-tại Long-Bình-Tân
ngày 01.10.1973.

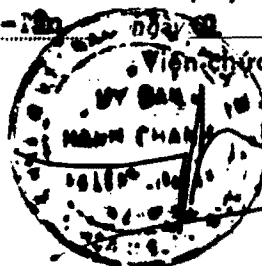
Tên họ chồng	: LÊ - TÂN & THÀNH
Ngày và nơi sinh	: 12.05.1947 Tại Lai-Thiền
Tên họ cha chồng	: LÊ-TÂN-KỶ (sống/chết)
Tên họ mẹ chồng	: NGUYỄN-THỊ-NGÂN (sống/chết)
Tên họ vợ	: VÕ-THỊ-SƠN
Ngày và nơi sinh	: 19.10.1949 Tại Komphongthom 'CAO-VIÊN'
Tên họ cha vợ	: VÕ-VĂN-PHƯỚC (sống/chết)
Tên họ mẹ vợ	: TRẦN-THỊ-THƯƠNG (sống/chết)
Ngày lập hôn-thú	: Mùng-một, Tháng-mười 01 Một ngàn chín trăm bảy mươi ba (01.10.1973)
Có lập hôn-khế không	: -----

MIỄN-THỊ-THỰC

ICVT SỐ 4366/ĐNV/HĐ/29 ngày 3-8-70

Trích-lục y bản chính

Long-Bình-Tân ngày 01 tháng 10 năm 1973



XÃ: LONG
HUY: QUANG-THANH

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

TỈNH BIÊN HÒA

Quận ĐỨC-TU

Xã LONG-BÌNH-TÂN

Số hiệu : 08

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 01 tháng 10 năm 1973.

Tên họ chồng	: LÊ - TÂN - THÀNH
Ngày và nơi sinh	: 12.05.1947 Tại Sài-Gòn
Tên họ cha chồng	: LÊ-VĂN-KỶ (sống/đết)
Tên họ mẹ chồng	: NGUYỄN-THỊ-NÂN (sống/đết)
Tên họ vợ	: VÕ-THỊ-SƠN
Ngày và nơi sinh	: 19.10.1949 Tại Konphongthom 'CAO-TIEN'
Tên họ cha vợ	: VÕ-VĂN-PHƯỚC (sống/đết)
Tên họ mẹ vợ	: TRẦN-THỊ-TRƯỜNG (sống/đết)
Ngày lập hôn-thú	: Hùng-một, Tháng-mười cũ Một ngàn chín trăm bảy mươi ba (01.10.1973)

Có lập hôn-kế không : _____

CHUNG-THU THUA NHAN VA
CHANH THUC HOA CON NGOAI HON
THEO HON THU CUA CHA-ME.

/-LÊ-THÀNH-HẢI, sinh-ngày
18.8.1971 tại Lai-Thiền
số hiệu : 599.

/-LÊ-HOÀNG-TRANG, sinh-ngày
13.9.1972 Tại Long-phước-
hôn số-hiệu : 25.

lập-tại Long-Bình-Tân
ngày 01.10.1973.

MIỄN-THỊ-THỰC

ICVT Số 4366/ĐNV/HĐ/29 ngày 3-8-70

Trích-lục y bản chánh

Long-Bình-Tân ngày 01 tháng 10 năm 1973



XÃ: LONG
BÌNH - QUẬN - THÀNH

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm 1971

Số hiệu 399

Khai rằng, tôi chưa lập
hôn thú với ai và khai
nhìn nhận đứa nhỏ này
là con tự sinh của tôi
và của Võ-Thị-Sơn. Nên tôi
bằng lòng cho nó lấy theo
họ cha.

C/C. 02730809
Lê-Tân-Thành (Ký)

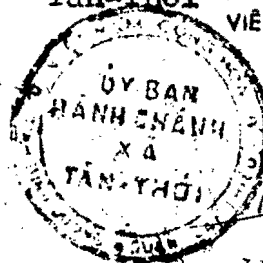
Tên, họ ấu nhi.	Lê-Thành-Hải
Phái.	Nam
Sinh	Mười sáu tháng tám năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)	trăm bảy mươi một (16/08/1971)
tại	Bảo sanh Lái-Thiếu
Cha.	Lê-Tân-Thành
(Tên, họ)	
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại.	Ấp Đông Tư Tân-Thới
Mẹ.	Võ-Thị-Sơn
(Tên, họ)	
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại.	Ấp Đông Tư Tân-Thới
Vợ	//
(Chính hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ủy-Viên Hộ-Tịch

Xã Tân-Thới, ngày 23 tháng 08 năm 1971
T.L. QUẢN-TRƯỞNG

Trích y bản chính:

Tân-Thới, ngày 23 tháng 08 năm 1971
VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH,



LÊ-THỊ-LẾT

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm 1971

Số hiệu 399

Khai rằng tôi chưa lập
hôn thú với ai và khai
nhận nhận đứa nhỏ này là
con tự sinh của tôi và
Võ-Thị-Sơn. Nên tôi bằng
lòng cho nó lấy theo họ cha.
C/C. 02730809
Lê-Tân-Thành (Ký)

Tên, họ ấu nhi.	Lê-Thành-Hải
Phái.	Nam
(Ngày, tháng, năm)	ngày mười sáu tháng tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt (10/08/1971)
Cha.	Đặc sanh Lê-Thiếu
(Tên, họ)	Lê-Tân-Thành
Nghề	Quản-nhân
Cư trú tại.	Ấp Đồng Mỹ Tân-Thới
Mẹ.	Võ-Thị-Sơn
(Tên, họ)	
Nghề	Đội-trợ
Cư trú tại.	Ấp Đồng Mỹ Tân-Thới
Vợ	//
(Chánh hay thế)	

Chứng thật cho ký bên đây là của Ủy-Viên Hộ-Tịch

Xã _____
_____, ngày _____ tháng _____ năm 1971
T.L. QUẢN-TRƯỞNG

Trích y bản chánh:

Tân-Thới, ngày _____ tháng _____ năm 1971
VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH,



LÊ-THỊ-LÊT

Bản số: 4713

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy (1947)

Tên, họ đứa nhỏ	Lê tấn Thành
Phái	masculin
Ngày sanh	le douze Mai mil neuf cent quarante sept à 4 h
Nơi sanh.	Saigon, 68 rue Richaud
Tên, họ người Cha.	Lê Văn Ký
Nghề-nghiệp.	agent des Douanes
Nơi cư-ngụ	Saigon, 68 rue Richaud
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Ngân
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, 68 rue Richaud
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH:

Saigon, ngày 31 tháng 8 năm 1973

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Luuk

KHỦU-THI-VINH



1973

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy (1947)

Tên, họ đứa nhỏ	Lê tấn Thành
Phái	masculin
Ngày sanh	le douze Mai mil neuf cent quarante sept à 4 h
Nơi sanh,	Saigon, 68 rue Richaud
Tên, họ người Cha.	Lê văn Ký
Nghề-nghiệp.	agent des Douanes
Nơi cư-ngụ	Saigon, 68 rue Richaud
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Ngân
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, 68 rue Richaud
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

B/3

Saigon, ngày 31 tháng 8 năm 1973

T.U.N. ĐÔ TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH



Luuk
KHUẾ-THI-VIÊN

Bộ nội vụ
Trại CT Xuyên Mộc
Số : 1389/GRT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((7) IẤY RA TRẠI

200.771d³²

Theo thông tư số 966-BCA/IT ngày 31/5/1961 của Bộ công an
Thi hành quyết định tha số 153 ngày 30/10/1980 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây

Họ và tên : LÊ TÂN THÀNH
Sinh ngày : 12/5/1947
Nơi sinh : Sài Gòn
Nơi ĐKNTT trước khi bị bắt : ấp Long diên xã Long bình tân
Biên hòa - Đồng nai .
Can tội : Trung úy - Sĩ quan hướng dẫn khóa sinh nguy .
Ngày bị bắt : 26/6/1975 án phạt : TTCT
Theo quyết định số 80 ngày 01/11/1979 của bộ nội vụ
Nay về cư trú quán trên - Quán chế 06 tháng .

NIÊN KẾT QUA TRÌNH CẢI TẠO

Đã nhận rõ tội lỗi của bản thân gây ra , tu tưởng tỏ ra an tâm
chịu cải tạo , chưa có biểu hiện gì xấu . Lao động tham gia
ngày giờ công đầy đủ song năng xuất chất lượng chưa cao . Chấp
hành nội quy kỷ luật chưa sai phạm lớn . Hàng năm xếp loại
cải tạo từ trung bình đến khá :

Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ tiếp :

Lăn tay ngón trỏ phải
Của : Lê tân Thành
Danh bản số: 14/20
Lập tại : DLE4F500

Họ tên chữ ký
Người được cấp giấy

Ngày 24 tháng 11 năm 80
Giám thị



Lê Tân Thành

Lê tân Thành



Võ Cẩm

Thiếu tá : Võ Cẩm

Bộ nội vụ
Trại CT Xuyên Mộc
Số : 1389/GRT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((7 LẤY RA TRẠI

200.771d²

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ công an
Thi hành quyết định tha số 153 ngày 30/10/1980 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây

Họ và tên : LÊ TÂN THÀNH
Sinh ngày : 12/5/1947
Nơi sinh : Sài Gòn
Nơi ĐKNTT trước khi bị bắt : ấp Long diên xã Long bình tân
Biên hòa - Đồng nai
Can tội : Trung úy - Sĩ quan hướng dẫn khóa sinh nguy
Ngày bị bắt : 26/6/1975 án phạt : TTCT
Theo quyết định số 80 ngày 01/11/1979 của bộ nội vụ
Nay về cư trú quán trên - Quán chế 06 tháng

NIÊN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Đã nhận rõ tội lỗi của bản thân gây ra , tư tưởng tỏ ra an tá
chịu cải tạo , chưa có biểu hiện gì xấu . Lao động tham gia
ngày giờ công đầy đủ song năng suất chất lượng chưa cao . Chấ
hành nội quy kỷ luật chưa sai phạm lớn . Hàng năm xếp loại
cải tạo từ trung bình đến khá :

Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ tiếp :

Lấn tay ngón trỏ phải

Của : Lê tân Thành

Danh bản số: 14720

Lập tại : DLE4F500

Họ tên chữ ký

Người được cấp giấy

Ngày 24 tháng 11 năm 80

Giám thị



Lê tân Thành



Thiếu tá : Võ Cầm

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

MẪU SỐ NK 4

ĐÃ KIỂM TRA

GIẤY CHỨNG NHẬN

BẰNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: A0 77 N

Họ và Tên chủ hộ:

Sĩ Văn Thành

Số nhà:

259

Ngõ (hẻm):

Đô 7

Đường phố:

Đường Diên

Đồn CAND

Sông Bình Sơn

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh:

Biển Hải

Tỉnh, thành phố:

Đông Hải

Ngày 15 tháng 1 năm 19 81

Trưởng Công An

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature)

Thị xã Đông Hải

TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____ Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đồng dấu _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đồng dấu _____

Chuyển đến _____ Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

MẪU SỐ NK 4

ĐÃ KIỂM TRA

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: A0 77 N

Họ và Tên chủ hộ:

Sĩ Văn Thành

Số nhà:

259

Ngõ (hẻm):

Đo 7

Đường phố:

Sông Diên

Đền CAND

Sông hình Cẩn

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh:

Biển Hải

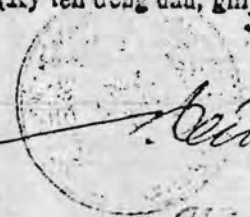
Tỉnh, thành phố:

Sông Hải

Ngày 15 tháng 1 năm 19 87

Trưởng Công An

(Ký tên đồng dấu, ghi rõ họ tên)



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
 CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV #

Date:

Ngày:

8/6/89

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
 Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
 Sathorn Tai Road
 Bangkok 10120
 Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LÊ TÂN THANH Sex: Phái nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 12-5-1947 tại quận 5 Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Ấp Long Xiem xã Long Bình Tân Biên Hòa
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 322/19 Nguyễn Trãi Quận F2 Q3 HCM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : chạy xích đu

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. LÊ THANH HẢI	16-8-1971	Lai Thiệu	nam	con vợ ly hôn	con
2.		Đài Xưởng			
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: Ng - Thi Phuong

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Chị dâu

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: Hui Le Hoa

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: em 1 cha khác mẹ

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: Lê Văn Kỳ 1913 chết

2. Mother
Mẹ

: Nguyễn Thị Ngọc 1915 chết

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: Võ Thị Sơn 1949 tại Cao Miên đã ly dị

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

- (1) Lê Thành Hải 16-8-1971 sinh tại Mỹ con
(2) Lê Hoàng Trang 13-9-1972 sinh tại Mỹ con
(3) Lê Quốc Hùng 12-8-1974 sinh tại Mỹ con
(4) Lê Thị Ngọc 1975 sinh tại Mỹ con
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh chị em:

- (1) Lê Công Cảnh 1935 sinh tại Mỹ con
(2) Lê Minh Hoàng 1939 sinh tại Mỹ con
(3) Lê Phát Cường 1950 sinh tại Mỹ con
(4) Lê Văn Lạc 1951 sinh tại Mỹ con
(5) Lê Văn Hùng 1953 sinh tại Mỹ con
(6) Lê Văn Mai 1955 sinh tại Mỹ con
(7) Lê Thị Hiền Xung 1958 sinh tại Mỹ con
(8)
(9) Lê Thị Hiền Xung 1958 sinh tại Mỹ con

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LÊ TÂN THANH
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1-9-1968 Đến 30-4-1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Trung úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 67/805.523
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung : Phòng Dục Quân TT H2/QT Học Môn
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Thiếu tá Trần Bá Xí Thủ lung-Thương
TT H2/QT Học Môn

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Miễn quân giải phóng

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

LÊ TÂN THANH

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

26-6-1975

To:

Đến:

21-11-1980

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Lê Thanh Công 1971 con có tên trong bản lý lịch.
Đúng có tên trong hồ sơ nhân lý lịch Trần Nghĩa
v.v.

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

8-6-1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1- Giấy cải tạo cho ra trại
- 2- Giấy khai sinh tôi và con trai tôi.
- 3- Giấy hôn thú
- 4- Giấy lý lịch
- 5- Hình tôi và con trai tôi.
- 6- Hộ khẩu
- 7- Giấy nhận nhận. CMND

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

8/6/89

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LÊ TÂN THANH Sex: Phái nam
2. Other Names
Họ, tên khác : không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 12-5-1947 tại quận 3 Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Ấp Long Xuân - xã Long Bình Tân Biên Hòa Đồng Nai
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 322/14 Nguyễn Đình Chiểu P7 Q3 HCM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : chạy xích lô

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. LÊ THANH HAI	16-8-1971	Lai Thiêm	nam	có vợ Ly Diễm	con
2.		Bình Xương			
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly-hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S:
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: Nguyễn Thị Thuởng

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Chị Lớn

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: Hòa Lê Hoa

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: em 1 cha khác mẹ

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: Lê Văn Kỳ (chết) 1913

2. Mother
Mẹ

: Nguyễn Thị Ngân (chết) 1945

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: Vợ Thị Sơn 1949 tử nạn

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

- (1) LÊ THÂN HAI 16-8-1971 sinh tại Bình Xương con
(2) LÊ Hoàng Trang 43-9-1972 Thủ Xứ Ly Di Hạo mẹ
(3) LÊ Quốc Hưng 12-8-1974 Long Bình Tân Kiên Hòa
(4) tử nạn Ly Di Hạo mẹ
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh chị em:

- (1) Lê Công Cảnh 1935 Đại úy Công binh chết tại căn cứ
(2) Lê Minh Hoàng 1939 Thiếu úy sĩ quân cảnh tại căn cứ
(3) Lê Thanh Châu 1940 Kỹ sư công an hiện công ty giao thông
(4) Lê Văn Lạc 1951 Thiếu úy sĩ cảnh sát
(5) Lê Văn Hồng 1953 giáo viên cấp 3 Trường KT Gò Vấp
(6) Lê Thị Mai 1955 giáo viên cấp 9 Võ Trường Toản
(7) Lê Thị Kim Dung sinh năm 1958 giáo viên cấp 2
(8) Trương Hải Bắc Trưởng Sĩ Quan
(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm-việc

Từ

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm việc

Từ

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name

Tên Họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời gian làm việc

Từ

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

LÊ TÂN TẠNH

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

From:

Từ

To:

Đến

1-9-1968

30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

: Thượng

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên:

67/805523

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung

: Sư Đệ Quân TTH2/QT Huế Môn

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy

: Thiếu tá Trần Văn Đức Sư Đệ Quân TTH2/QT Huế Môn

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Miễn nhiệm giải phóng

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có Không)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No
(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

LÊ TÂN THANH

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

28-6-1975

To:

Tới:

24-11-1980

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Lê Thanh (Hàng) 1971 con có tên trong hàng
điều, không có tên trong hồ sơ "lý do Trần
nghĩa vụ

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

8-6-1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1- Giấy ra trại cho ra trại
- 2- Giấy khai sinh đời và con trai đời
- 3- Giấy loan Thu
- 4- Giấy lý do
- 5- Hịch Tội và con trai đời
- 6- Hộ khẩu
- 7- Giấy miễn dịch CHND

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date:

Ngày: 3-10-88

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : LE TAN THANH Sex: Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : Thắng
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 12-5-1947 tại quận 3 Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Ấp Long Xuyên - xã Long Bình Tân Biên Hòa ĐN
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 322/19 Nguyễn Đình Chiểu P. 7 Q.3 HCM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : chạy xích lô

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>LÊ THANH HAI</u>	<u>16-8-1971</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>nam</u>		<u>con</u>
2.		<u>Bình Dương</u>			
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S:
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: Nguyễn Văn Dũng

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Ông anh

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

: 1 / 1 / 1

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: Hùng Lê Hoa

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: em & chị khác mẹ

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: Lê Văn Kỳ (chết) 1913

2. Mother
Mẹ

: Nguyễn Thị Vân (chết) 1915

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: Võ Thị Sơn sinh 1949 đã ly dị

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

- (1) Võ Mạnh Hải 16-8-1971 tại Sài Thành, nam
- (2) Lê Hoàng Thương 13-9-1972 - Thủ Đức - nữ
- (3) Võ Xuân Kỳ theo mẹ
- (4) Lê Quốc Hùng 12-8-1974 Long Bình Tân BTH
- (5) Võ Xuân Kỳ theo mẹ
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

6. Siblings
Anh chị em:

- (1) Anh: Lê Công Cảnh 1935 Xứ ủy Công binh đi tù 2 lần
- (2) Anh: Lê Minh Hoàng 1939 Thượng phẩm cấp - Tiểu đạo
- (3) Em: Lê Thành Xuân sinh năm 1950 công nhân viên công nhân
- (4) Em: Lê Xuân Lộc sinh 1954 diện sỹ địa sản được kết hôn
- (5) Em: Lê Văn Hùng - 1953 giáo viên cấp 3 Thủ Đức TP HCM
- (6) Em: Lê Văn Mai - 1955 giáo viên cấp 2 TP Hồ Chí Minh
- (7) Em: Lê Thị Kim Dung 1958 giáo viên cấp 2 Thủ Đức
- (8) Võ Thị Ngọc H CM
- (9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LÊ TÂN TÂN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1-8-1968 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thung úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 67/805523

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung : Đoàn Lực lượng TTHL/QT Học Miền

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Đoàn Trưởng Trần Văn Xi Sĩ Quan Trưởng
TTHL/QT

6. Reason for Separation : Hiện năm giải phóng đi cải tạo
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đúng sự có không? Có _____ Không _____.)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LÊ TÂN THANH
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 26-6-1975 Đến: 24-11-1980
3. Still in Reeducation?* Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên : Edward Sch

Date

Ngày: 3-10-82

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy cải tạo đưa ra trại
- Giấy khai sinh tôi và con trai tôi
- Giấy hôn thú
- Giấy ly hôn

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

TỈNH BIÊN HÒA

Quận ĐỨC-TU

Xã LONG-BÌNH-TÂN

Số hiệu : 08

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 01 tháng 10 năm 1978.

CHUNG-THU THUA NHAN VA
CHANG THUC HOA CON NGOAI HON
THEO HON THU CUA CHA-ME.

1/-LÊ-THÀNH-HẢI, sinh ngày
18.8.1971 tại Lai-Thiền
số hiệu : 399.

2/-LÊ-HOÀNG-TRANG, sinh ngày
13.9.1972 tại Long-phước-
thôn số-hiệu : 25.

lễ-tại Long-Bình-Tân
ngày 01.10.1973.

Tên họ chồng : LÊ - TÂN & THÀNH
Ngày và nơi sinh : 12.05.1947 Tại Sài-Gòn
Tên họ cha chồng : LÊ-VĂN-KY (sống/chết)
Tên họ mẹ chồng : NGUYỄN-THỊ-NGÂN (sống/chết)
Tên họ vợ : VÕ-THỊ-SON
Ngày và nơi sinh : 19.10.1949 Tại KomphongThon 'CAO-VIÊN'
Tên họ cha vợ : VÕ-VĂN-THẮC (sống/chết)
Tên họ mẹ vợ : TRẦN-THỊ-THƯƠNG (sống/chết)
Ngày lập hôn-thú : Hùng-một, Tháng-mười 01 Một ngàn chín trăm bảy mươi
ba (01.10.1973)

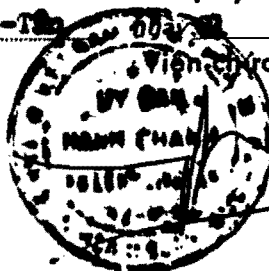
Có lập hôn-khế không : _____

MIÊN-THỊ-THỰC

ICVT 56/4366/ĐNV/HĐ/29 ngày 3-8-70

Trích-lục y bản chính

Long-Bình-Tân ngày 01 tháng 10 năm 1978



XÃ-TRƯỞNG
BUI-TRUONG-THANH

TỈNH BÌNH DƯƠNG

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm 1971

Số hiệu 399

Khai rằng, tôi chưa lập hôn thú với ai và khai nhận nhận đứa nhỏ này là con tự sinh của tôi và của Võ-Thị-Sơn. Nhờ tôi bằng lòng cho nó lấy theo họ cha.

C/C. 02730809
Lê-Tân-Thành (Ký)

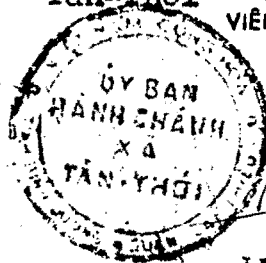
Tên, họ đủ nhi.	Lê-Thành-Hai
Phái.	Nam
Sinh (Ngày, tháng, năm)	Mười sáu tháng tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (16/08/1971)
tại	Bảo sanh Lái-Thiếu
Cha (Tên, họ)	Lê-Tân-Thành
Nghề	Quản-nhân
Cư trú tại.	Ấp Đông Tư Tân-Thới
Mẹ (Tên, họ)	Võ-Thị-Sơn
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại.	Ấp Đông Tư Tân-Thới
Vợ (Chánh hay thờ)	//

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ủy-Viên Hộ-Tịch

Xã Tân-Thới, ngày 23 tháng 08 năm 1971
T.L. QUẢN-TRƯỞNG

Trích y bản chánh:

Tân-Thới, ngày 23 tháng 08 năm 1971
VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH,



LE-THỊ-LÊT

Bản số: **4713**
★

H Ộ - T Í C H

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm **bốn mươi bảy (1947)**

Tên, họ đứa nhỏ	Lê tấn Thành
Phái	masculin
Ngày sanh	le douze Mai mil neuf cent quarante sept à 4 h
Nơi sanh.	Saigon, 68 rue Richaud
Tên, họ người Cha.	Lê văn Ký
Nghề-nghiệp.	agent des Douanes
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 68 rue Richaud
Tên, họ người Mẹ.	Nguyễn thị Ngân
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, 68 rue Richaud
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày **31** tháng **8** năm 1973

T.U.N. ĐỒ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH



Luuk
KHUẾ-THI-VIÊN

B/3

Bộ nội vụ.
Trại CT Xuyên Mộc
Số : 1389/GRT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((7) LẤY RA TRẠI

200.771d2

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ công an
thi hành quyết định của số 153 ngày 30/10/1980 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây

Họ và tên : LÊ TÂN THÀNH
Sinh ngày : 12/5/1947
Nơi sinh : Sài Gòn
Nơi ĐKNTT trước khi bị bắt : ấp Long diên xã Long bình tân
Biên hòa - Đồng nai .
Can tội : Trung úy - Sĩ quan hướng dẫn khóa sinh nguy .
Ngày bị bắt : 26/6/1975 án phạt : TTCT
Theo quyết định số 80 ngày 01/11/1979 của bộ nội vụ
Nay về cư trú trú quán trên - Quán chế 06 tháng .

NIÊN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Đã nhận rõ tội lỗi của bản thân gây ra , tư tưởng tỏ ra an tâm
chịu cải tạo , chưa có biểu hiện gì xấu . Lao động tham gia
ngày giờ công đầy đủ song năng xuất chất lượng chưa cao . Chấp
hành nội quy kỷ luật chưa sai phạm lớn . Hàng năm xếp loại
cải tạo từ trung bình đến khá :

Đề nghị địa phương giáo dục giúp đỡ tiếp :

Lăn tay ngón trỏ phải

Của : Lê Tân Thành

Danh báo số: 14720

Lập tại : DLE4F500

Họ tên chữ ký
Người được cấp giấy

Ngày 24 tháng 11 năm 80

Gián thị

Lê Tân Thành

Thiếu tá : Võ Cẩm

Saigon ngày 8 tháng 6 năm 1989
Thưa Ông, Bà Xuân Minh Cháu

Chưa Bà

Chúng tôi rất vui mừng khi nhận được
thông thư tập của Bà về sự giúp đỡ cho gia
đình của chúng tôi trực tiếp.

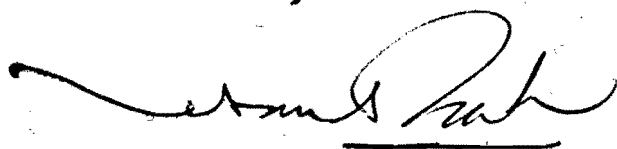
Chúng tôi lúc nào cũng kiên tâm chờ đợi
lần này với một hy vọng rất lớn về gia
đình của chúng tôi, trong đó có một số
mọi sự kiện cố gắng giúp đỡ, cũng như
xúc tiến mọi công việc để sớm đem lại
tức là quả ngọt muôn.

Chúng tôi xin lỗi về tất cả mọi sự
theo như ông bà đã nói mà tôi có được. Bà
hiện đang phải qua một số điều về phía
phần bên nhà.

Và một lần nữa niềm mong muốn của chúng
tôi sớm được hoàn thành để được bà
chế độ được tại đây cũng như niềm tin
cũng như hạnh phúc của gia đình chúng tôi.

Thân ái chào Bà
với lòng Thành kính và biết
ơn

Bà Huệ Hồ
Lê Văn Thanh



Số, Ty

Công An

ĐƠN



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số: 27/10/1977

Họ tên Lê Tấn Thành

Tên thường gọi 19/77

Nơi thường trú Long Định

Lê Tấn Thành - 8/10/1977

Đấu vết riêng hoặc dị hình ~~_____~~

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: Đông Hà

Hết đến ngày 1 / 11 / 19 **trả giấy CMND**



Ngôn ngữ trái

Ngày 1 / 11 / 19
(Ghi rõ họ, tên người ký)

[Signature]

Sở, Ty

Công An

ĐƠN



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số: _____

Họ tên

Lê Tấn Thành

Tên thường gọi

19/4

Nơi thường trú

Long Định

Lê Tấn - B. Hòa

Đấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: Khu phố 10

Hết đến ngày 1/10/15 trả giấy CMND

Móng trỏ trái

Ngày 1/10/15

(Ghi rõ họ, tên người ký)

Trưởng Ban

LÊ TÂN THANH
322/13 Nguyễn Trãi cũ
F2 Q3 HCM

MAY BAY
PAR AVION

OCT 25 1988

PHÂN
THÂN

R 00-00



TO Mrs KHUC MINH THO
PO BOX 5435 Arlington
VA 22205-0835

USA

Name _____
1st Notice _____
2nd Notice _____
Return _____



Saigon ngày 3-10-88
Kính gửi Bà Khúc Minh Châu.
Chưa Bà

Tôi tên là Lê Tấn, thành ở quân.
67/805523, cấp bậc Thượng úy, Đại đội Chuồng.
Đường dẫn thuộc binh Trung Tâm Hành hương
Quảng Trung phục vụ trong QLVNCH. Được biết
Bà là thành viên của Hội cựu chiến binh
QLVNCH tại Hoa Kỳ, do nên tôi xin phép
Bà cho tôi được gọi hỏi này (kèm hồ sơ)
để biết như Bà vụ lý cam thiệp để giúp
đồng tôi và con tôi được tính cả tại Hoa Kỳ
theo hồ sơ quân nhân giữa 2 chiến phần HK và
VN « đang cho nhữg người tù binh (political
prisoners) được đưa về các trung tâm tập
thành cái tạo tại VN »

Chưa Bà, sinh ngày trước đưa mẹ tôi đi
chủ Ái Long Diêm, là Long An Tân Biên Hòa,
Đông Nai, mỗi vợ tôi và đến vợ tôi sinh sống,
là hội đặng tôi lý người khác tôi, vợ tôi và
đến vợ tôi đã tìm mọi lý do đưa gởi vào
nhà cầm quyền để lại tôi, vợ tôi đã bán
liệt của của, tôi bán để nuôi sống một người
đang ở được, phải nói tôi anh em bị hết
lúc. Không có công ăn việc làm, tôi phải
về Saigon với anh đưa mẹ luôn để làm
thui và sinh sống bằng nghề chài lưới.
Là, và hiện tại luôn luôn bị thiếu thốn: thiếu
phần, về với tôi đủ đưa ra trái. không đủ.
nào được an tâm trong sự sống.

Với luôn cả hiện tại như vậy, do
nên bị hạ bị tôi với gia đình tôi là một

nhỏ nhỏ lên. . . Ngày Kinh nguyệt bất đều.
đâm giọt đỏ đỏ đỏ và cơn đau. . . Sự
giảm sút của sức khỏe với gia đình cũng
đang là nỗi lo lớn và cũng đau nguyên
nỗi nỗi gửi đến anh bạn.

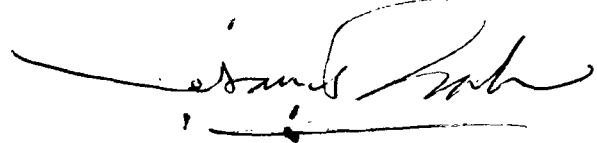
Thân ái kính chào bạn

Xin gửi liên lạc cho

anh bạn :

322/13 Nguyễn Đình Chiểu

F7 Q3 HCM



San Jose, ngày 30 tháng 5 năm 1990

Kính gửi : Bà Khúc Minh Thở

Kính thưa Bà,

Tôi tên NGUYỄN VĂN HUYỀN, là bạn thân của anh LÊ TẤN THÀNH, hồ sơ ODP mang số IV#257331 hiện cư ngụ tại 322/19 Nguyễn Đình Chiểu Phường 4 Quận 3 TP.HCM, Việt-Nam.

Tôi xin mạn phép kể lại vài nét về hoàn cảnh của anh Thành:

Trong khi anh đi tù cải tạo, người vợ bán hết nhà của tài sản ra đi theo người khác, đem theo 2 đứa con gái, bỏ lại 1 đứa con trai. Sau 15 năm, người vợ tàn tạ trở về thăm mẹ và chị em ruột, anh Thành mới được biết 1 cháu gái bị bệnh điên, kiếm được chút nào đều phải lo chạy chữa cho cháu này, hồ sơ xin định cư chỉ có anh Thành và cháu trai.

Kính thưa Bà Khúc Minh Thở,

Tôi và anh Thành cũng học từ thời Trung Học, bao năm nay mới liên lạc lại được với nhau. Anh Thành có nhờ tôi thưa lại cùng Bà xem có cách nào để xin thêm cho 2 cháu gái vào danh sách của 2 cha con anh ấy, và xin thư LỜI để hồ sơ bên Việt Nam chóng có kết quả hơn.

Thay mặt anh Lê Tấn Thành, chúng tôi xin thành thật tri ơn Bà và kính chúc Bà cũng quý quyến luôn được an khang .

Nay kính thư,



NGUYEN VAN HUYEN

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

---*---

Ngày (1) Tháng 5 Năm 1989

Kính gửi : Ông Lê Tân Thành

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để ngày.

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hòa để sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dọn phòng được những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên nhà Ông/Bà nên tích cực tự lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh đua cấp tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thủ,

Khúc Minh Thơ

*** HỒ SƠ TÊN: Lê Tân Thành

() ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẼM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TÚC:

- () Hồ sơ bảo trợ () IV# , () LOI , () Exit visa () I-171 , () GIẤY RA TRẠI
() Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
() Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
() Giấy báo tử (nếu chết trong trại học tập)
() Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ huy chương v.v...)

*** CÁC THƯ KHÁC:

HUYEN V. NGUYEN



JUN 0 5 1990

To :

Mrs. KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA. 22205-0635



C O N T R O L

____ Card
____ * Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form 'D'
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

4/18/89 form